

Bản án số: 06/2025/DS-PT

Ngày: 17-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh
Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị X - sinh năm 1965; địa chỉ: Số A đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức N - sinh năm 1962; địa chỉ: Số D đường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thúy T - sinh năm 1984 và ông Nguyễn P - sinh năm 1977.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn P: Bà Trần Thị Thúy T - sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Hẻm F đường B, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản

ủy quyền ngày 18/6/2024)

- **Người kháng cáo:** Bà Trần Thị Thúy T là bị đơn.

(Ông Trần Đức N, bà Trần Thị Thúy T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/8/2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/8/2023, ngày 21/9/2023; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Đức N trình bày:*

Do có quan hệ bà con với nhau nên trong năm 2022, vợ chồng bà Trần Thị Thúy T, ông Nguyễn P vay tiền của bà Trần Thị X nhiều lần để mua bán, kinh doanh nước giải khát tại số nhà A C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Cụ thể, ngày 17/02/2022, bà T, ông P vay 100.000.000 đồng, cộng với khoản vay 200.000.000 đồng trước đó nên viết giấy 300.000.000 đồng. Giấy nợ do bà T viết và ông P ký tên. Đến ngày 28/7/2022, bà Trần Thị Thúy T vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, bà X chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Q.

Về thời hạn trả nợ, hai bên thỏa thuận bằng lời nói là khi nào bà X cần lấy lại tiền thì báo trước cho bà T, ông P từ 03 đến 05 ngày. Về lãi suất đối với 02 khoản vay, hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 1,5%/tháng.

Diễn biến trả tiền gốc và trả tiền lãi như sau: Từ khi vay đến trước ngày 15/5/2023, bà T, ông P đã trả nhiều lần được 100.000.000 đồng tiền gốc đối với khoản vay ngày 17/02/2022; trả được 150.000.000 đồng tiền gốc đối với khoản vay ngày 28/7/2022. Về tiền lãi đối với hai khoản vay này thì vợ chồng bà T, ông P đã trả đầy đủ đến ngày 03/7/2023.

Do có nhu cầu sử dụng tiền vào việc gia đình nên bà X điện thoại cho bà T đòi nợ nhiều lần, cụ thể vào ngày 17/5/2023, ngày 13/7/2023, ngày 17/7/2023 và có văn bản thông báo trả nợ ngày 07/9/2023 gửi cho bà T, ông P nhưng vợ chồng bà T, ông P không chịu trả nợ.

Nay bà X yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn P, bà Trần Thị Thúy T phải trả lại số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,5%/tháng là 77.017.500 đồng. Tổng cộng cả tiền nợ gốc và nợ lãi là 427.017.500 đồng

** Tại bản tự khai ngày 07/11/2023, Biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn P và bà Trần Thị Thúy T trình bày:*

Lần thứ nhất: Ông bà có vay của bà Trần Thị X theo giấy mượn tiền ngày 17/02/2022 là 300.000.000 đồng với mức lãi suất 3%/tháng. Ông bà phải trả lãi 9.000.000 đồng/tháng và đã trả tiền lãi đến tháng 9/2023 bằng tiền mặt, không có chứng từ.

Ông bà đã trả tiền gốc cho khoản vay này như sau:

- Ngày 30/3/2022 chuyển 1.680.000 đồng.
- Ngày 14/3/2022 chuyển 80.000.000 đồng.
- Ngày 18/4/2022 chuyển 2.000.000 đồng.
- Ngày 16/6/2022 chuyển 5.500.000 đồng.
- Ngày 01/7/2022 chuyển 11.000.000 đồng.

Như vậy, ông bà đã trả tiền gốc là 100.180.000 đồng; còn nợ lại 199.820.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 28/7/2022, ông bà có vay bà X 200.000.000 đồng, nhưng bà X đã chuyển khoản cho ông bà 300.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng là tiền bà X trả nợ cho ông bà. Khoản tiền 100.000.000 đồng là do bà Xuân M của ông bà vào ngày 15/02/2022; ông bà có chuyển khoản cho bà X 02 lần, một lần 90.000.000 đồng, một lần 10.000.000 đồng có chứng từ chuyển tiền.

Ông bà đã trả tiền gốc cho bà X khoản vay này như sau:

- Ngày 09/5/2023 nhờ em trai chuyển 20.000.000 đồng
- Ngày 30/8/2022 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 27/9/2022 chuyển 2.000.000 đồng.
- Ngày 28/9/2022 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 15/10/2022 chuyển 2.000.000 đồng.
- Ngày 03/11/2022 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 16/11/2022 chuyển 3.200.000 đồng.
- Ngày 30/11/2022 chuyển 6.000.000 đồng.
- Ngày 02/01/2023 chuyển 12.000.000 đồng.
- Ngày 06/02/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 10/02/2023 chuyển 2.000.000 đồng.
- Ngày 18/02/2023 chuyển 3.000.000 đồng (T chuyển, cô X nhờ chuyển cho Nguyễn Tư D).
- Ngày 13/01/2023 chuyển 5.000.000 đồng.

- Ngày 10/5/2023 chuyển 1.000.000 đồng.
- Ngày 08/3/2023 chuyển 3.000.000 đồng.
- Ngày 21/12/2022 chuyển 35.000.000 đồng.
- Ngày 18/3/2023 chuyển 2.000.000 đồng.

Tổng cộng ông bà đã trả cho bà X là 108.200.000 đồng. Ngoài ra, ông bà còn trả tiền mặt cho bà X số tiền là 250.000.000 đồng nhiều lần, không nhớ thời gian trả cụ thể. Như vậy, ông bà đã trả tiền gốc cho bà X 358.200.000 đồng. Đến nay, ông bà chỉ còn nợ bà X tiền gốc là 41.620.000 đồng.

Về khoản tiền lãi của hai khoản thì ông, bà đã trả lãi cho bà X cho đến ngày bà X khởi kiện. Ông bà không có yêu cầu bà X phải trả khoản tiền lãi mà ông bà đã trả vượt mức quy định.

** Bản án số 79/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị X về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Trần Thị Thúy T, ông Nguyễn P phải có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc cho bà Trần Thị X 350.000.000 đồng và trả nợ tiền lãi là 42.616.350 đồng, tổng cộng là 392.616.350 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, ba trăm năm mươi đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thúy T, ông Nguyễn P phải chịu 19.630.818 đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, tám trăm mười tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.720.057 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp còn phải hoàn trả lại cho bà Trần Thị X 7.366.818 đồng (*Bảy triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm mười tám đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000040 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 23/10/2024, bà Trần Thị Thúy T có Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án số 79/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt mức quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thúy T đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Đối với kháng cáo của bà T về phần lãi suất, xét thấy tại phiên tòa, bà T đã rút kháng cáo đối với nội dung này, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bà T về phần lãi suất. Đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 24/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên, bà Trần Thị Thúy T vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 09/10/2024, bà T nhận được bản án sơ thẩm và ngày 23/10/2024, bà T có Đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Thúy T rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt mức quy định của pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ đối với phần yêu cầu kháng cáo đã rút.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Thúy T đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng vay ngày 28/7/2022:

[3.1] Bà Trần Thị Thúy T thừa nhận ngày 28/7/2022, bà X đã chuyển khoản vào tài khoản của bà số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền bà và ông P vay của bà Trần Thị X chỉ có 200.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng là tiền bà X trả nợ cho bà và ông P. Chứng cứ chứng minh số tiền bà cho bà X mượn 100.000.000 đồng là chứng từ chuyển tiền thể hiện ngày 15/02/2022 bà đã chuyển vào tài

khoản của bà X 02 lần, lần thứ nhất là 90.000.000 đồng và lần thứ hai là 10.000.000 đồng. Chứng từ chuyển tiền cho bà X không ghi nội dung chuyển tiền.

[3.2] Bà X không thừa nhận lời trình bày của bà T. Bà X cho rằng bà không mượn tiền của bà T, ông P. Số tiền mà ông P, bà T chuyển cho bà 100.000.000 đồng vào ngày 15/02/2022 là để trả nợ cho bà của khoản nợ khác trước đó.

[3.3] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông P, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà X có vay của ông bà 100.000.000 đồng. Ông P, bà T cung cấp chứng từ thể hiện đã chuyển cho bà X 100.000.000 đồng hai lần trong ngày 15/02/2022, cụ thể: Lần 1 chuyển 90.000.000 đồng (*bút lục 54, 56*); lần 2 chuyển 10.000.000 đồng (*bút lục 53, 54*). Tuy nhiên, tại các chứng từ nêu trên không thể hiện nội dung cho vay tiền và không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh.

Mặt khác, vào ngày 17/02/2022, bà T và ông P đã vay tiền của bà X và có viết giấy vay tiền, trong khoản vay này có 200.000.000 đồng là nợ cũ. Như vậy, bà T cho rằng ngày 15/02/2022 chuyển cho bà X 02 lần với số tiền 100.000.000 đồng để cho bà X vay là không phù hợp vì thời gian này bà T đang còn nợ tiền bà X. Do đó, không có căn để xác định số tiền 300.000.000 đồng mà bà X chuyển cho bà T ngày 28/7/2022 có 100.000.000 đồng bà X trả nợ cho ông P, bà T.

[3.4] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà T có cung cấp chứng từ chuyển tiền cho bà X nhiều lần. Cụ thể, ngày 14/02/2021 chuyển 30.000.000 đồng; ngày 27/4/2021 chuyển 70.000.000 đồng; ngày 30/8/2021 chuyển 100.000.000 đồng và ngày 18/12/2021 chuyển 65.000.000 đồng. Tổng cộng là 265.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, có lúc bà T trình bày đây là số tiền bà T cho bà X vay nên yêu cầu cản trừ số tiền bà đang nợ bà X. Tuy nhiên, tại chứng từ chuyển số tiền 100.000.000 đồng ngày 30/8/2021 có ghi nội dung “*chau Thao chuyen tra Co 4*”. Mặt khác, số tiền bà T chuyển khoản cho bà X vào năm 2021, trước khoản nợ bà X đang khởi kiện bà T. Qua quá trình hỏi tại phiên tòa, bà T xác định số tiền trên bà hùn vốn cùng với bà X để làm ăn, do đó không liên quan đến số nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Theo nhận định tại mục [2.2] của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã làm tròn mức 0,83%/tháng là không phù hợp với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Từ đó dẫn đến việc tính số tiền lãi buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn thấp hơn và số tiền án phí nguyên đơn phải chịu nhiều hơn. Tuy nhiên, đương sự không kháng cáo đối với phần nội dung trên và tránh gây bất lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không sửa bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhưng cách tuyên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa đầy đủ, cụ thể nên Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên cho chính xác.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003695 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thúy T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị X: Buộc bà Trần Thị Thúy T, ông Nguyễn P có nghĩa vụ phải trả cho bà Trần Thị X tổng số tiền nợ là 392.616.350 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, ba trăm năm mươi đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và số tiền nợ lãi tính đến ngày 24/9/2024 là 42.616.350 đồng (*Bốn mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, ba trăm năm mươi đồng*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị X về việc buộc bà Trần Thị Thúy T, ông Nguyễn P có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ lãi là 34.401.150 đồng (*Ba mươi bốn triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, một trăm năm mươi đồng*).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thúy T, ông Nguyễn P phải chịu 19.630.818 đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, tám trăm mười tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị X phải chịu 1.720.057 đồng (*Một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị X đã nộp là 9.086.875 đồng (*Chín triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*). Hoàn trả lại cho bà Trần Thị X số tiền 7.366.818 đồng (*Bảy triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm mười tám đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000040 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Trần Thị Thúy T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003695 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa